

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 563/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Củ Chi, ngày 01 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 400/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1960.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 507 Tỉnh lộ 2, tổ 5, ấp Gi, xã Tr, huyện C, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1956.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 507 Tỉnh lộ 2, tổ 5, ấp Gi, xã Tr, huyện C, Thành phố H.

Tạm trú: Số 82 đường Đ, ấp L, xã Tr, huyện C, Thành phố H.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Văn T.

Kể từ ngày 01/6/2021, Giấy chứng nhận kết hôn số 249, quyển số 001, ngày 15/3/1989 do Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C cấp cho bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà S và ông T có 02 con chung đều đã trưởng thành tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 11/6/1983 và Nguyễn Thị Huyền Ng, sinh ngày 13/8/1985.

- Về tài sản chung: Bà S và ông T trình bày hai bên tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà S và ông T trình bày không có.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Phạm Thị S thỏa thuận chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0086015 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà S được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- UBND xã Tr, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN